

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **13/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/01/2025.

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và bà Trần Thị Liên.

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Bà Hoàng Xuân Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 722/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2024 về việc : *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn A, xã E, thành phố, Buôn M, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn A, xã E, thành phố, M, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn trình bày như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Quỳnh T (nguyên đơn) và ông Trần Văn L (bị đơn) đăng ký kết hôn ngày 07/01/2015 tại UBND xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung; Những năm gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung và đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Có hai con chung tên Trần Thị Anh T1, sinh ngày 04/6/2016 và Trần Thị Tố U, sinh ngày 06/8/2018.

Nguyên đơn có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu vì từ trước đến nay nguyên đơn là người trực tiếp chăm sóc các cháu.

- Về mức cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng phía bị đơn ông Trần Văn L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 235, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh T được ly hôn với bị đơn ông Trần Văn L.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Anh T1, sinh ngày 04/6/2016 và Trần Thị Tố U, sinh ngày 06/8/2018 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án là phù hợp.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn vắng mặt không có lý do, do đó HĐXX sẽ xem xét các

tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2015 tại UBND xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định.

Theo nguyên đơn trình bày, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến đã ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không tham gia phiên tòa cũng như các buổi hòa giải đoàn tụ của Tòa án, không thể hiện được thiện chí muốn hàn gắn tình cảm, tháo gỡ mâu thuẫn. Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn như thế nào chính quyền địa phương không biết, vì các đương sự không yêu cầu hòa giải nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

HĐXX xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hàn gắn được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4.2] Về con chung: Có hai con chung tên Trần Thị Anh T1, sinh ngày 04/6/2016 và Trần Thị Tố U, sinh ngày 06/8/2018.

HĐXX xét thấy, nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 cháu đến tuổi trưởng thành phù hợp với nguyện vọng của cháu T1. Bị đơn không tham gia tố tụng và không thể hiện được thiện chí và quan điểm đối với việc nuôi dưỡng các con chung; Vì vậy, cần giao cháu T1 và cháu U cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi cho trẻ chưa thành niên. Bị đơn được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Bị đơn được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập xem xét giải quyết.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh T được ly hôn với bị đơn ông Trần Văn L.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Anh T1, sinh ngày 04/6/2016 và Trần Thị Tố U, sinh ngày 06/8/2018.

Giao cháu Trần Thị Anh T1 và Trần Thị Tố U cho bà Nguyễn Thị Quỳnh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Trần Văn L được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng nộp tại biên lai thu tiền số: AA/2023/0013684 ngày 09/10/2024 (do Trần Thị Kim H nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- UBND xã Ea Kao;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH

